

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/4/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2022/QĐST-HNGĐ và Thông báo dời phiên tòa số: 34/TB-TA ngày 21/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; HKTT: Số nhà 198, ấp H, xã LA, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Lê Nguyễn Phú C, sinh năm 1987; HKTT: Số nhà 198, ấp H, xã LA, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị L có mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Nguyễn Thị L và anh Lê Nguyễn Phú C được hai bên gia đình tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số

090/2013, quyền số 01/2013 vào ngày 20/11/2013. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không lo tu chí làm ăn, thường hay cờ bạc gây nợ, Chị L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không chịu sửa đổi dẫn đến vợ chồng phải bán căn nhà của vợ chồng đang ở để trả nợ. Đến tháng 5/2021 chị L cùng con dọn đến nhà công vụ của trường tiểu học LA để ở, còn anh C về nhà cha mẹ ruột của anh C ở nên vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau hai bên không tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mạnh ai người đó sống. Nay nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Quá trình sống chung có 02 con chung tên Lê Nguyễn Phú K, sinh ngày 27/5/2014 và Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/5/2020 đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Nguyễn Phú C:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ anh Lê Nguyễn Phú C đến Tòa án nhưng anh C vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L ly hôn với anh C. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Nguyễn Phú Kiệt, sinh ngày 27/5/2014 và Lê Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 23/5/2020 đang sống chung với chị L cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh C phải cấp dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Nguyễn Phú C, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, còn về tài sản và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Tuy nhiên phía bị đơn vắng mặt trong các phiên họp và hoà giải. Theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được.

Bị đơn anh Lê Nguyễn Phú C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Nguyễn Phú C tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đ vào ngày 20/11/2013 trên cơ sở tự nguyện đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo như chị L trình bày thì quá trình sống chung anh C không lo tu chí làm ăn, thường hay cờ bạc gây nợ, chị L nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không chịu sửa đổi, nên vợ chồng phải bán căn nhà của vợ chồng để trả nợ thay anh C từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, quan hệ vợ chồng không thể dung hòa, chị L và anh C không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2021 đến nay. Từ khi sống xa nhau đến nay, anh C và chị L cũng không gặp nhau để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm nên chị L nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh C. Bị đơn anh Lê Nguyễn Phú C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Toà án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai anh C cũng không đến tòa án để tham gia phiên tòa. Điều đó thể hiện anh C không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Lân. Cho chị Lê Thị Lân được ly hôn với anh Lê Nguyễn Phú C.

2.2 Về con chung: Theo chị L trình bày, quá trình sống chung chị L và anh C có hai con chung 02 con chung Lê Nguyễn Phú Kiệt, sinh ngày 27/5/2014 và Lê Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 23/5/2020 hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà hôm nay chị L khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án Cường cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản ghi lời khai cháu Lê Nguyễn Phú Kiệt thì cháu Kiệt có nguyện vọng được sống chung với chị L. Còn cháu Lê Nguyễn Ngọc Anh đến thời điểm xét xử mới được 28 tháng tuổi. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Lê Nguyễn Phú Kiệt, sinh ngày 27/5/2014 và Lê Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 23/5/2020 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung hàng tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết, anh C cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và anh C phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Nguyễn Phú C.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Phú K, sinh ngày 27/5/2014 và Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/5/2020 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Nguyễn Phú C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở cho mỗi con chung. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thực hiện quyền này và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

1.4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai số 0008738 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Anh Lê Nguyễn Phú C được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội